TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T.N** **TỈNH T.N**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **267**/2023/QĐST-HNGĐ	*TP. T.N, ngày 15 tháng 6 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án ly hôn thụ lý số 315/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2023 giữa:

* *Nguyên đơn*: Chị **Trần Thị Quỳnh Tr**, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Tổ 6, phường TT, TP. T.N, tỉnh T.N.

* *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Công T**, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Tổ 6, phường TT, TP. T.N, tỉnh T.N.

Căn cứ vào các Điều 147, 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55,57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành được lập ngày 07 tháng 6 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 6 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị Quỳnh Tr và anh Nguyễn Công T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Quỳnh Tr và anh Nguyễn Công T nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Các đương sự xác định có một con chung tên là Nguyễn Trần Gia L, sinh ngày 08/8/2020. Sau khi ly hôn các đương sự thỏa thuận chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Trần Gia L, đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Trần Gia L số tiền 3.000.000 đồng/tháng, đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Kể từ ngày chị Tr có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh T không tự nguyện thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, thì anh T còn phải chịu khoản tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chị Trần Thị Quỳnh Tr tự nguyện chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền án phí cấp dưỡng nuôi con nộp ngân sách Nhà nước. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000960 ngày 22/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T.N.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND thành phố TN;
- UBND phường TT, TPTN;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

Vương Hồng Giang